

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Quyết định số 4915/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt đề cương, nhiệm vụ lập Đề án “Phát triển rừng bền vững huyện Mường Lát giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;

Căn cứ Nghị quyết số 1686/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thanh Hóa năm 2025;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 523/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 01/4/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 593/TTr-SNNMT ngày 24/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Quyết định số 4915/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 4915/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, cụ thể:

a. Điều chỉnh khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Tên đề án: Phát triển rừng bền vững các xã khu vực Mường Lát giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

b. Điều chỉnh khoản 3 Điều 1 như sau:

“3. Phạm vi thực hiện đề án: Trên địa bàn 08 xã, bao gồm: Mường Lát, Mường Chanh, Quang Chiêu, Tam Chung, Pù Nhi, Nhi Sơn, Mường Lý và Trung Lý”.

c. Điều chỉnh khoản 4 Điều 1 như sau:

“4. Thời gian hoàn thành Đề án: Quý II năm 2026”.

d. Điều chỉnh khoản 6 Điều 1 như sau:

“6. Nội dung Đề cương, nhiệm vụ chi tiết sau điều chỉnh được thực hiện theo Phụ lục kèm theo Quyết định này”.

2. Điều chỉnh khoản 3 Điều 2 Quyết định số 4915/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, như sau:

“3. Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường; Khoa học và Công nghệ; Tài chính; Dân tộc và Tôn giáo; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; UBND các xã: Mường Lát, Mường Chanh, Quang Chiêu, Tam Chung, Pù Nhi, Nhi Sơn, Mường Lý, Trung Lý và các ngành, đơn vị liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp chặt chẽ với Viện Nông nghiệp Thanh Hóa trong quá trình lập Đề án, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, theo đúng quy định hiện hành của pháp luật”.

3. Các nội dung khác giữ nguyên và thực hiện theo Quyết định số 4915/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Viện Nông nghiệp Thanh Hóa khẩn trương rà soát, hoàn thiện Đề án theo đề cương, nhiệm vụ được phê duyệt, bảo đảm phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp; Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 29/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển huyện Mường Lát đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 4402/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU và các quy định pháp luật có liên quan; hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch UBND tỉnh đồng thời gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để thẩm định **trước ngày 30/6/2026**.

2. Giao UBND các xã: Mường Chanh, Quang Chiêu, Mường Lát, Tam Chung, Mường Lý, Pù Nhi, Nhi Sơn, Trung Lý căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, phối hợp chặt chẽ với Viện Nông nghiệp Thanh Hóa rà soát, hoàn thiện Đề án đảm bảo chất lượng, hiệu quả và khả năng áp dụng trong thực tiễn.

3. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, UBND các xã nêu trên và các đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định Đề án theo quy định sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét phê duyệt nếu đủ điều kiện; đồng thời theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện, kịp thời tham mưu, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh những khó khăn, vướng mắc phát sinh (nếu có).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Viện trưởng Viện Nông nghiệp Thanh Hoá; Chủ tịch UBND các xã: Mường Chanh, Quang Chiêu, Mường Lát, Tam Chung, Mường Lý, Pù Nhi, Nhi Sơn, Trung Lý và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Cao Văn Cường

PHỤ LỤC
Đề cương Đề án “Phát triển rừng bền vững các xã khu vực Mường Lát
giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045”
(Xây dựng báo cáo thuyết minh Đề án theo địa giới hành chính của từng xã
thuộc 8 xã khu vực Mường Lát)

Phần I
SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ VÀ PHẠM VI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương
2. Văn bản của địa phương
3. Các tài liệu sử dụng

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ ÁN

1. Đối tượng nghiên cứu của đề án: Toàn bộ diện tích rừng và đất lâm nghiệp được quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp; các nhân tố về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, khí hậu, thời tiết, địa hình, thủy văn, thổ nhưỡng và các loài thực vật ảnh hưởng đến công tác phát triển rừng bền vững trên địa bàn 8 xã khu vực Mường Lát.
2. Phạm vi nghiên cứu của đề án trên địa bàn các xã: Mường Lát, Mường Chanh, Quang Chiêu, Tam Chung, Pù Nhi, Nhi Sơn, Mường Lý và Trung Lý.
3. Thời gian thực hiện đề án: Giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Phần II
ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP
GIAI ĐOẠN 2010-2025

I. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI, HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI NGUYÊN RỪNG

1. Vị trí địa lý, địa hình, khí hậu, thủy văn và thổ nhưỡng
 - Vị trí địa lý, địa hình
 - Địa chất và thổ nhưỡng: Tầng dày đất canh tác, thành phần cơ giới, tính chất hóa lý, các chất dinh dưỡng,... ảnh hưởng đến cây trồng lâm nghiệp.
 - Nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa, phân bố lượng mưa trong năm, các tiểu khí hậu đặc trưng.
 - Thủy văn: Nhận xét, đánh giá về những thuận lợi, khó khăn; nội dung cần quan tâm, chú ý khi xây dựng và thực hiện đề án.
2. Dân sinh, kinh tế, xã hội
 - Dân số, dân tộc, lao động

- Kinh tế: Những hoạt động kinh tế chính, thu nhập đời sống của dân cư, tập quán canh tác, thị trường tiêu thụ nông sản nói chung và các sản phẩm lâm nghiệp trên địa bàn, trình độ sản xuất, mức sống,... so sánh, đánh giá tỷ trọng nguồn thu từ các sản phẩm lâm nghiệp so với tổng thu nhập của hộ gia đình, cá nhân.

- Xã hội: Thực trạng giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, tỷ lệ hộ đói, nghèo,...

Nhận xét, đánh giá về những thuận lợi, khó khăn của điều kiện dân sinh, kinh tế, xã hội liên quan đến quá trình triển khai, thực hiện đề án.

3. Thực trạng hạ tầng kỹ thuật

- Hạ tầng lâm nghiệp.

- Hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy.

- Thực trạng các hạ tầng kỹ thuật khác: Hạ tầng thủy lợi, điện, nước, thông tin liên lạc...

Nhận xét, đánh giá về những thuận lợi, khó khăn liên quan đến quá trình triển khai, thực hiện đề án.

4. Hiện trạng sử dụng đất

- Thống kê hiện trạng sử dụng đất của xã.

- Phân tích, đánh giá chi tiết hiện trạng sử dụng đất, tình hình quản lý, sử dụng đất (giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất....) trên địa bàn xã

Nhận xét, đánh giá về những thuận lợi, khó khăn liên quan đến quá trình triển khai, thực hiện đề án.

5. Hiện trạng tài nguyên rừng

- Hiện trạng diện tích, trạng thái, chất lượng các loại rừng theo quy hoạch 3 loại rừng, theo chủ quản lý.

- Tổng trữ lượng, trữ lượng bình quân các loại rừng, trạng thái rừng.

- Hiện trạng phân bố lâm sản ngoài gỗ.

Nhận xét, đánh giá về những thuận lợi, khó khăn liên quan đến quá trình triển khai, thực hiện đề án.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN RỪNG GIAI ĐOẠN 2010-2025

1. Công tác quản lý về lâm nghiệp: Nêu rõ thực trạng công tác quản lý rừng: Quy hoạch rừng theo chức năng sử dụng; tổ chức hệ thống quản lý rừng; quản lý lâm sản ngoài gỗ; quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học; kiểm kê rừng...

2. Bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên

- Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.

- Công tác phòng trừ sâu, bệnh hại rừng.

- Công tác bảo tồn thiên nhiên, gìn giữ đa dạng sinh học.

3. Phát triển và nâng cao chất lượng rừng trồng.

- Thực trạng phát triển giống cây trồng lâm nghiệp.
- Thực trạng công tác trồng rừng phòng hộ, đặc dụng và sản xuất.
- Thực trạng phát triển lâm sản ngoài gỗ.

4. Khai thác, chế biến và tiêu thụ lâm sản.

5. Phát triển trồng cây dược liệu dưới tán rừng.

6. Sản xuất nương rẫy, nông lâm kết hợp.

7. Chồng lấn trong quản lý đất đai lâm nghiệp.

8. Chi trả dịch vụ môi trường rừng.

9. Kết quả, tình hình triển khai thực hiện cơ chế chính sách về lâm nghiệp của trung ương và địa phương.

- Chính sách giao rừng, cho thuê rừng gắn liền với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp.

- Thực hiện chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững và các chính sách, chương trình khác liên quan đến hỗ trợ quản lý, bảo vệ, sử dụng, phát triển tài nguyên rừng.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan.

- Nguyên nhân chủ quan.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá chung

2. Bài học kinh nghiệm

Phần III

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN RỪNG BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

I. BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH VÀ DỰ BÁO CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN RỪNG BỀN VỮNG TRONG GIAI ĐOẠN TỚI.

1. Bối cảnh, tình hình

2. Dự báo các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển rừng bền vững

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Giai đoạn 2026-2030

Trên cơ sở kết quả đánh giá thực trạng phát triển rừng giai đoạn 2010-2025 và tình hình thực tế để xác định mục tiêu cụ thể trên địa bàn xã, trong đó tập trung vào các nội dung:

- a) Mục tiêu về bảo vệ môi trường
- b) Mục tiêu về kinh tế
- c) Mục tiêu về xã hội

2.2.2. Tầm nhìn đến năm 2045

III. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Nâng cao năng lực quản lý về lâm nghiệp

- Kiện toàn, củng cố, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan quản lý Nhà nước về lâm nghiệp ở địa phương
- Tăng cường công tác phối hợp giữa các lực lượng chức năng trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

2. Bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng hiện có

- Quản lý, bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên hiện có, bảo tồn, phát huy giá trị đa dạng sinh học, bảo vệ hiệu quả các giống, loài động vật, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, loài ưu tiên bảo vệ.
- Thực hiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh về trồng rừng thay thế, cải tạo rừng, tỉa thưa rừng trồng để nâng cao chất lượng, giá trị kinh tế của rừng.

3. Tiếp tục trồng và nâng cao chất lượng rừng theo 3 loại rừng

- Đánh giá, hoàn thiện quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn 8 xã khu vực Mường Lát đảm bảo khả thi, phù hợp với định hướng phát triển và tình hình thực tế.
- Xây dựng bản đồ nông hóa cho toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn 8 xã khu vực Mường Lát phục vụ bố trí cây trồng.
- Xác định được tập đoàn giống cây trồng lâm nghiệp phù hợp với điều kiện khí hậu, lập địa, thổ nhưỡng và kiến thức bản địa đến từng thôn/bản theo đơn vị hành chính cấp xã để phục vụ công tác trồng rừng đạt hiệu quả và bền vững.
- Xác định quy mô diện tích trồng mới rừng sản xuất.
- Xác định quy mô diện tích cải tạo, trồng phục hồi lại rừng trồng sản xuất và đề xuất, thực hiện các biện pháp lâm sinh cải tạo, nâng cao hiệu quả, chất lượng rừng le trên địa bàn 8 xã khu vực Mường Lát.

- Xác định quy mô diện tích trồng mới rừng phòng hộ, đặc dụng với các loài cây bản địa.

- Xác định quy mô diện tích phục hồi rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.

4. Khai thác lâm sản

- Xác định quy mô diện tích và sản lượng khai thác gỗ rừng trồng sản xuất

- Xác định quy mô diện tích và sản lượng khai thác lâm sản ngoài gỗ (nứa, vầu, luồng, ...)

5. Phát triển trồng cây dược liệu dưới tán rừng

Trên cơ sở các điều kiện địa hình, khí hậu, thổ nhưỡng, sự phân bố và khả năng thích nghi của cây dược liệu để xác định quy mô diện tích vùng trồng dược liệu dưới tán rừng phù hợp gắn với nhu cầu thị trường và hiệu quả kinh tế.

6. Xây dựng vùng sản xuất nương rẫy, nông lâm kết hợp

- Xác định quy mô, diện tích vùng sản xuất nương rẫy phù hợp với tập quán canh tác của đồng bào người dân tộc thiểu số trên địa bàn 8 xã khu vực Mường Lát.

- Xác định quy mô diện tích vùng sản xuất nông lâm kết hợp, vùng trồng cây ăn quả và cây cảnh (đào) phù hợp với điều kiện của xã, thôn/bản.

7. Giải quyết việc chồng lấn trong quản lý đất đai

Rà soát, xác định ranh giới giao đất giữa hồ sơ, bản đồ với thực địa của các chủ rừng nhà nước đóng trên địa bàn đề đề xuất, giải quyết dứt điểm tình trạng chồng lấn trong công tác quản lý đất đai.

8. Thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng

Thực hiện rà soát, xác định giá trị dịch vụ môi trường rừng cho toàn bộ diện tích rừng tự nhiên, rừng trồng nằm trong lưu vực của các nhà máy thủy điện để chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng, đảm bảo thu, chi đầy đủ và chi trả đúng đối tượng được hưởng lợi từ nguồn thu dịch vụ môi trường rừng.

9. Xây dựng cơ chế chính sách đặc thù trong phát triển Lâm nghiệp bền vững 8 xã khu vực Mường Lát

Đề xuất được cơ chế chính sách hỗ trợ đặc thù riêng cho các xã về bảo vệ, phát triển rừng; chính sách hỗ trợ sản xuất nông lâm kết hợp, hỗ trợ ổn định sinh kế cho người dân làm nghề rừng.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành.

2. Tổ chức, quản lý Nhà nước về lâm nghiệp

3. Cơ chế, chính sách đầu tư phát triển rừng bền vững

4. Tổ chức sản xuất

5. Khoa học và công nghệ

6. Thị trường tiêu thụ lâm sản

7. Hợp tác quốc tế

8. Xây dựng dự án trọng tâm, đột phá

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tổng hợp nhu cầu vốn thực hiện đề án giai đoạn 2026-2030

2. Nguồn vốn và phân kỳ đầu tư

- Vốn ngân sách nhà nước.
- Các nguồn vốn khác.

VI. SẢN PHẨM ĐỀ ÁN

1. Báo cáo thuyết minh đề án: 10 quyển/01 xã (8 xã).

2. Báo cáo tóm tắt đề án: 10 quyển/01 xã (8 xã).

3. Báo cáo chuyên đề: 10 quyển/chuyên đề/01 xã (8 xã).

- Chuyên đề 1: Kết quả thu thập, đánh giá về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hiện trạng sử dụng đất, tài nguyên rừng.

- Chuyên đề 2: Kết quả điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng phát triển rừng giai đoạn 2010-2025.

- Chuyên đề 3: Kết quả điều tra, phân tích đánh giá, xây dựng bản đồ nông hóa phục vụ bố trí cơ cấu cây trồng rừng.

- Chuyên đề 4: Danh mục giống, cây trồng Lâm nghiệp phù hợp với điều kiện lập địa, khí hậu, tập quán và có hiệu quả kinh tế, môi trường cao trên địa bàn xã (cây gỗ, lâm sản ngoài gỗ, dược liệu...).

- Chuyên đề 5: Định hướng phát triển rừng bền vững giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Chuyên đề 6: Báo cáo đề xuất một số mô hình nông lâm kết hợp canh tác trên đất dốc trồng cây lâm nghiệp, cây ăn quả, cây cảnh (đào, mai) trên địa bàn xã.

- Chuyên đề 7: Thị trường tiêu thụ lâm sản trên địa bàn.

4. Bảng biểu, số liệu điều tra thực địa: 01 Bản gốc/01 xã (8 xã).

5. Hệ thống bản đồ (cấp xã 1/10.000): 10 bộ/nội dung/01 xã (8 xã).

- Bản đồ hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp
- Bản đồ nông hóa, thổ nhưỡng
- Bản đồ các nhân tố tự nhiên ảnh hưởng đến phát triển rừng bền vững
- Bản đồ phân vùng sản xuất nương rẫy và nông lâm kết hợp.
- Bản đồ phát triển rừng bền vững giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Phần IV
ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- I. Đề xuất
- II. Kiến nghị

Phần V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- 1. Viện Nông nghiệp Thanh Hóa.
- 2. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo, ...).
- 3. Các tổ chức chính trị, xã hội.
- 4. Các Phòng, Trung tâm thuộc xã
- 5. Các chủ rừng trên địa bàn...